TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ S** **TỈNH GIA L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 -2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ S, TỈNH GIA L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức P.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Tơ L;
2. Ông Đỗ Trí T.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng H, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị N, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn Phù C, xã Ia V, huyện Chư P, tỉnh Gia L.
2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc B, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn xx, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia L.
Các đương sự có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình thì chị và anh Trần Ngọc B tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 14/12/2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chỉ sống với nhau được chỉ được một thời gian ngắn, bắt đầu sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, trong suốt khoảng thời gian sống ly thân cả hai không liên lạc, không quan tâm hỏi han đến cuộc sống của nhau. Xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, chị H

yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc B.

Về con chung: Chị và anh Trần Ngọc B chưa có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc B trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc B công nhận đúng như chị Nguyễn Thị Thu H vừa trình bày là anh và chị H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 14/12/2011. Anh và chị H sống với nhau được hơn nửa tháng, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn giữ liên lạc với nhau. Nay chị H nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39 và khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Ngọc B; Về con chung: chưa có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng: Ngày 23/02/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện "Ly hôn" với anh Trần Ngọc B và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đúng quy định, anh Trần Ngọc B có nơi cư trú tại Thôn xx, xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia L nên Tòa án nhân dân huyện Chư S, tỉnh Gia L đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị H và bị đơn là anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Ngọc B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ia H, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 14/12/2011. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Qua lời khai của chị H và anh B, cả hai đều thống nhất ly hôn, vì anh chị đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài, cả hai không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Do đó căn cứ các Điều 19, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Ngọc B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh B chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 21, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với và anh Trần Ngọc B.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002894 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bán án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
-VKSND huyện Chư S;
- Chi cục THADS huyện Chư S;
- Toà án nhân dân tỉnh Gia L;
- UBND xã Ia H, H, Chư S, T. Gia L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vương Đức Phượng